TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Thanh Bình**;

Ông **Đinh Thanh Vũ.**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Đặng Văn Thi**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ, ngày 30-01-2026; về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10-4-2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quí E, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quí E trình bày:

Năm 2004, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trần Văn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long), giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc, nên không cung cấp cho Tòa án, trong quá trình sống chung chị với anh T có 03 con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 (đã thành niên), Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 các con chung đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung vợ chồng, cho nên chị với anh T không còn sống chung gần 01 năm nay, vợ chồng không đoàn tụ được.

Chị Nguyễn Thị Quí E yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 đã thành niên, chị Quí E không yêu cầu giải quyết;

Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết*;*

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Năm 2004, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Quí E, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long), trong quá trình sống chung anh với chị Quí E có 03 con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 (đã thành niên), Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 các con chung đang sống chung với chị Quí E.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng sống chung thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mỗi người một tính, mạnh ai nấy làm không ai quan tâm ai, anh với chị Quí E không còn sống chung gần 01 năm nay, không hàn gắn, đoàn tụ được, anh thống nhất ly hôn với chị Quí E, do điều kiện đi làm nên anh xin vắng mặt.

Về con chung: Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 đã thành niên, anh Trần Văn T không yêu cầu giải quyết;

Anh đồng ý giao 02 con chung tên Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Quí E nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu;

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Công văn số 1084/UBND-VP ngày 19/11/2025 về việc kết quả kiểm tra sổ lưu hộ tịch của UBND xã A (bản chính), giấy khai sinh con; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 đã thành niên, nên chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T không yêu cầu giải quyết;

Anh Trần Văn T đồng ý giao 02 con chung tên Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Quí E nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung Trần Hữu D, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết*;*

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Văn T có hộ khẩu tại ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T có lời khai chị Quí E với anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) do giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc nên không có cung cấp cho Tòa án và tại Công văn số 1084/UBND-VP ngày 19/11/2025 của UBND xã A cung cấp thông tin qua kiểm tra sổ bộ kết hôn, cơ sở dữ liệu không tìm thấy thông tin kết hôn của chị Nguyễn Thị Quí E và anh Trần Văn T. Quá trình giải quyết chị Quí E với anh T điều xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được và thống nhất thuận tình ly hôn, cho nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quí E với anh T mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Quí E với anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị Quí E với anh T khai trong quá trình sống chung chị Quí E với anh T có 03 người con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 đã thành niên, Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P,

sinh ngày 20/4/2021 các con chung đang sống chung với chị Quí E. Chị Quí E có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021, qua ý kiến của con chung Trần Hữu D có nguyện vọng được sống chung với chị Quí E. Anh T cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị Quí E nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sự thỏa thuận của chị Quí E với anh T về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị Quí E không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quí E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 14, 56, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quí E.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Trần Hữu N, sinh ngày 27/02/2004 đã thành niên, chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Anh Trần Văn T đồng ý giao 02 con chung tên Trần Hữu D, sinh ngày 18/01/2011 và Trần Hữu P, sinh ngày 20/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Quí E nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung Trần Hữu D, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết*;*

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quí E với anh Trần Văn T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quí E phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002112, ngày 29-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Quí E đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV12 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV 12- Vĩnh Long;
- UBND xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm